

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất CHEMOSIL,MP5		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS: Chưa có thông tin Số UN: Số đăng ký EC: Chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): chưa có thông tin Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): chưa có thông tin		  GIÁM ĐỐC HONG JAEHYUN	
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Adhesive CHEMOSIL,MP5,1PC:10KG/ Chất kết dính dạng lỏng MP5 - Tên thương mại: CHEMOSIL,MP5 - Tên khác (không là tên khoa học): - Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH EHWAGLOBAL Địa chỉ : Lô IN8.1 khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng, TP Hải Phòng, Việt Nam - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: CHEMOSIL Kimyevi Madde Plastik Kauçuk İthalat İhracat Sanayi ve Ticaret Limited irketi Üçevler Mahallesi AKVA Sanayi Sitesi 76. Sokak No: 2/A - Mục đích sử dụng: Sử dụng phục vụ sản xuất của DN (Chất kết dính dạng lỏng)		Mã sản phẩm (nếu có) Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH EHWAGLOBAL Địa chỉ : Lô IN8.1 khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng, TP Hải Phòng, Việt Nam	
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
4- methylpentan-2-one	108-10-1	C ₆ H ₁₂ O	65
Phenol	108-95-2	C ₆ H ₆ O	1
Phenol, Polymer with Formaldehyde	9003-35-4		1
Xylene (Mixture)	1330-20-7		8
4-(1,1,3,3-tetramethylbutyl)phenol	140-66-9		≤ 1
Toluene	108-88-3	C ₇ H ₈	≤ 1
Zinc Oxide	314-13-2		2
Carbon Black	333-86-4		2
Titanium Dioxide	3463-67-7		2
Synthetic Rubber			15
Ethylbenzene	100-41-4	C ₈ H ₁₀	2
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Phân loại hóa chất theo GHS

MÔI NGUY HIỂM CHO SỨC KHỎE

Mẫn cảm đường hô hấp: **Cấp 1**

Ăn mòn / kích ứng da: **Cấp 2**

Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt: **Cấp 2**

Gây ung thư: **Cấp 2**

Độc tính sinh sản: **Cấp 1B**

Độc tính đến cơ quan đích (phơi nhiễm lặp lại): **Cấp 2**

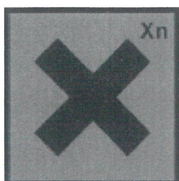
Nguy hại lâu dài đối với môi trường nước: **Cấp 2**

MỐI NGUY MÔI TRƯỜNG

Nguy hiểm cho môi trường nước - nguy hiểm cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cấp 1

Nguy hiểm cho môi trường nước - nguy hiểm mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cấp 1

2. Yếu tố nhãn theo GHS



Harmful



Highly flammable



3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Độc hại khi tiếp xúc với da.
- Gây kích ứng da
- Gây kích ứng mắt
- Có thể gây dị ứng, hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải
- Có thể gây phản ứng dị ứng da
- Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- Gây tổn thương hệ thống/cơ quan hô hấp khi tiếp xúc nhiều lần

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Rửa sạch thận trọng với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Rửa sạch để tiếp cận tốt hơn với tất cả các bộ phận của mắt.

Nếu kích ứng mắt vẫn còn: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Lập tức loại bỏ vật dụng bị ô nhiễm như quần áo, giày... Rửa sạch với xà bông và nước

Nếu kích ứng da vẫn còn hoặc xảy ra phát ban: nhận tư vấn, chăm sóc y tế.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Di dời nạn nhân đến nơi không khí trong lành và đặt tại một tư thế thoải mái để thở

Nếu có các triệu chứng hô hấp: nhận tư vấn chăm sóc y tế 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất) Tìm kiếm tư vấn y tế ngay lập tức và hiển thị hộp đựng hoặc nhãn này 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)
V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÒA HOẠN
1. Xếp loại về tính cháy Một số thành phần trong hóa chất có thể đốt cháy nhưng không có chất nào có thể đốt cháy một cách dễ dàng. 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy 3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...) Các nguồn của đánh lửa 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác - Các chất dập cháy thích hợp: Khi cháy phải dùng bọt, bột khô, CO₂, cát khô để dập tắt đám cháy - Biện pháp chữa cháy: kiểm soát ngọn lửa do dòng chảy từ ngọn lửa điều khiển có thể gây ra sự ô nhiễm. Đặc biệt bảo vệ thiết bị và chú ý đến quần áo bảo vệ của lính cứu hỏa do quần áo bảo vệ của lính cứu hỏa sẽ chỉ cung cấp sự bảo vệ hạn chế. - Biện pháp kết hợp khác: thiết bị bảo vệ và khẩn cấp thủ tục thông gió khu vực, loại bỏ tất cả các nguồn của đánh lửa, ngăn chặn đổ tràn từ đi vào cống rãnh, dòng nước hoặc khu vực thấp, thu gom chất thải. 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy Bình chữa cháy, xe chữa cháy, quần áo bảo hộ, mặt nạ bảo hộ, mũ bảo hộ và giày bảo hộ,.... 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ
1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng
VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ
1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...) - Không hít phải bụi/khói/khí/sương/hơi/phun nước - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông thoáng - Sử dụng đồ bảo hộ khi sử dụng hóa chất. Tránh tiếp xúc với da. Tránh tiếp xúc với mắt - Sử dụng các thiết bị phòng chống nổ 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...) - Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm loại bỏ bất kỳ sự không tương thích - Cửa kho hàng bị khóa hướng lên - Bên trong địa điểm kho chứa hàng thông gió tốt. Giữ thùng đựng hàng chặt chẽ đóng cửa

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN	
1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...) - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông thoáng - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ - Mặc bảo vệ găng tay - Mặc đồ bảo hộ mắt/ đồ bảo hộ mặt 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc - Bảo vệ mắt; Đeo kính bảo vệ mắt/mặt - Bảo vệ thân thể; Mặc quần áo bảo hộ - Bảo vệ tay; Đeo găng tay bảo vệ. - Bảo vệ chân: Đi giày bảo hộ 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố Sử dụng quần áo bảo hộ, mặt nạ mặt, mặt nạ mắt và giày bảo hộ khi xử lý các trường hợp xảy ra sự cố 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)	
IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT	
Trạng thái vật lý: dạng lỏng	Điểm sôi (°C) (Không phù hợp)
Màu sắc: màu vàng	Điểm nóng chảy (°C) (Không phù hợp)
Mùi đặc trưng: mùi hôi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định (Không phù hợp)
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn (Không phù hợp)	Nhiệt độ tự cháy (°C): 210°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn (Không phù hợp)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) (Không phù hợp)
Độ hòa tan trong nước; không hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) (Không phù hợp)
Độ PH (Không phù hợp)	Tỷ lệ hóa hơi (Không phù hợp)
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có: tính ổn định hóa học, vật liệu không tương thích với rượu (Không phù hợp)
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...) Tính ổn định và khả năng phản ứng: tính ổn định hóa học vật liệu không tương thích Rượu, amin 2. Khả năng phản ứng: - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy; - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh); - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);	

- Phản ứng trùng hợp.				
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH				
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Methylene diphenyl diisocyanate	LC50	2200 mg/kg	Miệng	Chuột
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...) - Tổn thương mắt nghiêm trọng, kích ứng mắt - Gây đột biến gen - Gây ung thư 2. Các ảnh hưởng độc khác				
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI				
1. Độc tính với sinh vật				
Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả	
Thành phần 1				
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				
Thành phần 4 (nếu có)				
2. Tác động trong môi trường - Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin - Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin - Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin				
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ				
1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) Tránh phát hành ra môi trường Vứt bỏ đồ đặc / thùng chứa theo quy định của địa phương / quốc gia 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải 3. Biện pháp tiêu hủy 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý				
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN				
1. Số UN: 1133				

2. Tên vận chuyển theo UN: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S 3. Loại nguy hại khi vận chuyển: Nhóm 9 (Các chất và vật phẩm nguy hiểm khác) 4. Nhóm đóng gói (nếu có): III 5. Nguy hại đối với môi trường: Có – Chất nguy hại đối với môi trường nước 6. Lưu ý đặc biệt đối với người sử dụng: Tránh thải ra môi trường; sử dụng thiết bị bảo hộ thích hợp khi tiếp xúc; tránh hít hơi và tiếp xúc trực tiếp với da hoặc mắt; xử lý tràn đổ theo quy định về hóa chất nguy hại. Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng nguy hiểm trên đường thủy nội địa; - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 nghị định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận.
XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT Quy định pháp luật phải tuân thủ: - Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. - Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm. - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ: Quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học. - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số

26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan. - Và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC
Ngày tháng biên soạn Phiếu:
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 01/04/2026
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH EHWA GLOBAL
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc